TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **227**/2019/DS-PT
Ngày: 12 - 11 - 2019
"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An,** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **196**/2019/TLPT-DS ngày 25-6-2019 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 14-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1466/2019/QĐ-DS ngày 28-10-2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà H Niê; trú tại: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà H Niê: Bà Đinh Thị V; trú tại: Số 306 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 23-10-2017); có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H Niê: Ông Nguyễn Tiến Th, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn L và bà Trần Thị H1; trú tại: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; đều có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh YĐ Niê, chị H2 Niê, chị H3 Niê, chị H4 Niê; cùng trú tại: Buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt có lý do.

2. Ông Phan Văn L1, bà Ngô Thị N1; trú tại: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân G, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện K; có đơn xin vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn bà H Niê kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H Niê là bà Đinh Thị V trình bày:

Năm 1993, vợ chồng ông YK Ayun, bà H Niê được Lâm trường C giao khoán đất rừng tại xã C, huyện K, trong đó nhận đất trống trồng rừng diện tích 5ha thuộc lô 41, khoảnh 6, tiểu khu 313; nhận khoán rừng trồng thông diện tích 2ha thuộc lô 41, khoảnh 6, tiểu khu 313. Diện tích nhận khoán này chính là đất do gia đình YK Ayun, H Niê khai hoang từ trước năm 1975 khi chưa có Lâm trường C. Sau khi Lâm trường C được thành lập đã quản lý, trồng thông ở phía gần mặt đường liên xã và giao khoán lại cho gia đình ông YK Ayun, bà H Niê. Sau khi nhận đất khoán rừng thì vợ chồng ông YK Ayun đã quản lý, chăm sóc và trồng rừng.

Khi Lâm trường C giải thể do trồng rừng không hiệu quả thì các hộ dân đã nhận khoán đất với Lâm trường C, trong đó có cho gia đình ông YK Ayun, bà H Niê tiếp tục canh tác, sử dụng đất của mình.

Ngày 28 âm lịch năm 1998 (không nhớ cụ thể tháng) vợ chồng bà H Niê chuyển nhượng cho ông Phan Văn L diện tích đất khoảng 4.000m^2, tứ cận thửa đất: Phía đông giáp đường đi buôn rừng Đ đi vào xã; phía Bắc giáp anh H5 nông trường 352; phía tây giáp suối E; phía Nam giáp đất A1. Giá chuyển nhượng 3.200.000 đồng. Ngày 09-02-2003 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Phan Văn L

diện tích khoảng 4.000m^2, phần đất chuyển nhượng giáp với thửa đất chuyển nhượng năm 1998 đi xuống giáp suối E, giá chuyển nhượng 2.000.000 đồng.

Ngoài hai lần chuyển nhượng trên thì vợ chồng bà H không chuyển nhượng cho ông L thêm phần đất nào khác. Đối với *"giấy sang nhượng đất trồng cà phê ngày 26/11/1998"* mà phía bị đơn cung cấp, gia đình bà H Niê không thừa nhận.

Năm 2010 ông YK Ayun chết. Năm 2014, gia đình bà H Niê chặt cây, san lấp mặt bằng, đổ đất thì các bên xảy ra tranh chấp thì mới biết gia đình ông L, bà H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.800m^2 giáp với đường nhựa liên xã. Các bên đã nhiều lần hòa giải tại địa phương nhưng không thành.

Hiện tại trên phần đất đang tranh chấp có 36 cây cà phê kinh doanh trồng năm 2013; 53 cây bơ khoảng 2 đến 3 năm tuổi; 12 cây điều trồng năm 2003; 30 cây điều trồng khoảng 2 đến 3 năm tuổi. Ngoài các tài sản trên thì trên đất không còn tài sản nào khác. Toàn bộ số cây trồng nêu trên là do vợ chồng ông L, bà H1 trồng.

Nay, bà H Niê khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 trả lại cho bà H Niê diện tích đất 1.800m^2 (đo thực tế 1.611,1m^2) thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77, tại buôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tứ cận thửa đất: Phía đông giáp đường liên xã, cạnh dài 30m; phía Nam giáp đất bà H Niê, cạnh dài 60m; phía tây giáp đất ông L, bà H1, cạnh dài 30m; phía bắc giáp đường đất, cạnh dài 60m.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP506039 do UBND huyện K cấp ngày 22-10-2013 cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1.

Ngoài các yêu cầu nêu trên bà H Niê không yêu cầu thêm nội dung nào khác.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 trình bày:***

Nguồn gốc đất chúng tôi nhận chuyển nhượng từ ông YK Ayun, chúng tôi nhận chuyển nhượng 03 lần:

Lần 1: Ngày 26-11-1998 Âm lịch, nhận chuyển nhượng của ông YK, H Niê diện tích khoảng 4.000m^2, tứ cận thửa đất: Phía đông giáp đường đi buôn rừng Đ, đi vào xã; Phía Bắc giáp anh H5 nông trường 352; Phía tây giáp suối E; Phía nam giáp đất anh V2. Giá chuyển nhượng 3.200.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 28 năm 1998 không nhớ cụ thể tháng ông Phan Văn L có nhận chuyển nhượng từ ông YK Ayun, H Niê diện tích khoảng 4.000m^2, tứ cận cụ thể: Phía đông giáp đường đi buôn rừng Đ đi vào xã; Phía Bắc giáp anh H5 nông trường 352; Phía tây giáp suối E; Phía nam giáp đất M. Giá chuyển nhượng 3.200.000 đồng;

Việc ghi tứ cận thửa đất của 02 giấy chuyển nhượng năm 1998 có tứ cận gần như nhau là do nhầm lẫn.

Lần 3: Ngày 09-02-2003 dương lịch chuyển nhượng của vợ chồng ông YK Ayun, bà H Niê (A Đon) phần đất còn lại giáp suối, diện tích cụ thể lúc đó thì không nắm được. Giá chuyển nhượng 2.000.000 đồng.

Cả 03 lần chuyển nhượng đã giao đủ tiền, chúng tôi đã nhận đất sử dụng từ đó cho tới nay. Khi chuyển nhượng các bên đều lập *"giấy sang nhượng đất"* có chữ viết, chữ ký của ông YK Ayun và đã nộp các giấy chuyển nhượng này cho Tòa án.

Năm 2013 vợ chồng ông L đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 22-10-2013 vợ chồng ông L được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP506039 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77, diện tích 13.376,4m^2, tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện tại trên phần đất đang tranh chấp có 36 cây cà phê kinh doanh trồng năm 2013; 53 cây bơ khoảng 2 đến 3 năm tuổi; 12 cây điều trồng năm 2003; 30 cây điều trồng khoảng 2 đến 3 năm tuổi. Ngoài các tài sản trên thì trên đất không còn tài sản nào khác. Toàn bộ số cây trồng nêu trên là do vợ chồng ông L, bà H1 trồng.

Nay, bà H Niê khởi kiện vợ chồng ông L, bà H1 không đồng ý. Vì, toàn bộ diện tích đất tranh chấp do vợ chồng ông L, bà H1 nhận chuyển nhượng từ ông YK Ayun, bà H Niê. Việc chuyển nhượng có giấy chuyển nhượng viết tay (đã giao nộp cho Tòa án), vợ chồng ông L quản lý, sử dụng thửa đất ổn định từ khi chuyển nhượng cho tới nay. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

**** Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Xuân G là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:***

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 26-8-2013 của Ủy ban nhân dân xã C về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban dân nhân xã C

chuyển đến, phòng Tài nguyên và môi trường đã kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ và xét thấy có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 và ra Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 22-10-2013 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004; Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10-2009 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thông tư 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 14-8-2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Ủy ban nhân dân xã C trình bày:*** Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77, diện tích 13.381,5m^2 có nguồn gốc đất của Lâm trường C. Đến năm 2009 được đo đạc số hóa và thẩm định năm 2010. Sau khi đo đạc số hóa thì Công ty Trung Nguyên kê khai, đăng ký hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất trên địa bàn. Khi công ty hoàn thiện bàn giao hồ sơ cho Ủy ban nhân dân xã thông qua Hội đồng xét duyệt đất đai (có biên bản, danh sách xét duyệt kèm theo). Sau khi xét duyệt Ủy ban nhân dân xã niêm yết danh sách công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và một số điểm công cộng khác, hết thời hạn niêm yết Ủy ban nhân dân xã chuyển hồ sơ lên chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện thụ lý và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn L1, bà Ngô Thị N1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Ông Phan Văn L với ông Phan Văn L1 là anh em ruột. Ông L cùng với ông L1 có nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông YK Ayun, bà H Niê 03 lần đúng như ông L, bà H1 trình bày. Sau khi nhận chuyển nhượng ông L1 canh tác trên thửa đất chung với ông L được 03 năm. Sau đó, vì diện tích đất ít nên ông L1 chuyển nhượng lại cho ông L làm và có viết giấy sang nhượng đất rẫy đề ngày 11/7/2004.

Nay, bà H Niê khởi kiện vợ chồng ông L1, bà N1 không đồng ý. Vì, toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông L, ông L1 nhận chuyển nhượng từ ông YK

Ayun, bà H Niê. Việc chuyển nhượng có giấy chuyển nhượng viết tay, vợ chồng ông L quản lý, sử dụng thửa đất ổn định từ khi chuyển nhượng cho đến nay. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong vụ kiện này vợ chồng ông L1, bà N1 không có yêu cầu nào khác.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H2 Niê, anh YĐ Niê, chị H4 Niê, chị H3 Niê (các con của bà H Niê) trình bày:***

Các con của bà H Niê đều có ý kiến và đồng ý như nội dung đơn khởi kiện của bà H Niê và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**** Người làm chứng ông Chu Đình V1 trình bày:*** Năm 1999, ông V1 chuyển nhượng thửa đất của ông H5 (trước đó ông H5 nhận chuyển nhượng đất từ ông YK Ayun, bà H Niê) giáp với thửa đất của ông L. Khi ông V1 nhận chuyển nhượng thì thấy ông L đã canh tác trên thửa đất giáp với đất ông V1. Việc chuyển nhượng giữa ông L với vợ chồng ông YK Ayun, bà H Niê như thế nào thì ông V1 không biết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tiến Th là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Nguồn gốc thửa đất do gia đình bà H khai hoang trước năm 1975, sau khi Lâm trường C giải thể thì gia đình bà H Niê tiếp tục quản lý, sử dụng và canh tác đất của mình. Bà H xác định chỉ chuyển nhượng cho ông L 02 lần vào ngày 28 năm 1998 (không nhớ tháng) và ngày 09-02-2003 với tổng diện tích khoảng 8.000m^2. Gia đình bà H Niê khẳng định chỉ chuyển nhượng phần đất giáp với suối E không chuyển nhượng phần đất giáp với đường nhựa liên xã vì thời điểm năm 2003 phần đất tranh chấp đang còn rừng thông của Lâm trường C chưa khai thác nên không được phép chuyển nhượng. Đối với giấy sang nhượng ngày 26-11-1998 (Âm lịch) bà H Niê xác định không phải do ông YK Ayun ký nhận. Phần đất tranh chấp gia đình bà H Niê vẫn quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay (trồng cây ngắn ngày). Do đó, bị đơn cho rằng phần đất trên đã chuyển nhượng cho bị đơn là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số 04/2019/DS-ST ngày 14-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; Điều 37; Điều 157; Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 688; Điều 697 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 97; Điều 98; Điều 99; Điều 100; Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H Niê về việc: Buộc ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 trả lại cho bà H Niê thửa đất có diện tích 1.800m^2 (đo thực tế 1.611,1m^2) và bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP506039 do UBND huyện K cấp ngày 22-10-2013 cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-5-2019, nguyên đơn bà H Niê kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà H Niê; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân huyện K; Ủy ban nhân dân xã C; anh YĐ Niê, chị H2 Niê, chị H3 Niê, chị H4 Niê đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn L1, bà Ngô Thị N1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do gia đình ông YK Ayun, bà H Niê khai hoang từ trước năm 1975 khi chưa có Lâm trường C. Sau đó, Lâm trường C quản lý, sử dụng theo chủ trương của Nhà nước. Năm 1993, giữa vợ chồng ông YK Ayun, bà H Niê và Lâm trường C đã Hợp đồng giao nhận khoán quản lý và kinh doanh rừng ngày 01-8-1993. Ông YK Ayun, bà H Niê nhận đất trống trồng rừng diện tích 5ha thuộc lô 41, khoảnh 6, tiểu khu 313; nhận khoán rừng thông diện tích 2ha thuộc lô 41, khoảnh 6, tiểu khu 313 ngay tại khu đất của gia đình bà H đã khai hoang, canh tác, sử dụng từ trước đó. Sau khi Lâm trường C khai thác xong và giải thể thì các hộ dân nhận khoán trước đó tiếp tục canh tác, sử dụng. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện K ý kiến thì các hộ dân được phép chuyển nhượng,

đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thừa nhận ngày 28 năm 1998 âm lịch (không nhớ tháng), vợ chồng bà H Niê chuyển nhượng cho ông Phan Văn L diện tích đất khoảng 4.000m^2, tứ cận thửa đất: Phía đông giáp đường đi buôn rừng Đ đi vào xã; Phía Bắc giáp anh H5 nông trường 352; Phía tây giáp suối E; Phía Nam giáp đất A1 với giá chuyển nhượng 3.200.000 đồng. Ngày 09-02-2003, tiếp tục chuyển nhượng cho ông Phan Văn L diện tích khoảng 4.000m^2 giáp suối E với giá 2.000.000 đồng. Như vậy, các đương sự thống nhất chuyển nhượng đất cho nhau 02 lần. Riêng diện tích đất 4.000 m^2 trị giá 3.200.000 đồng chuyển nhượng ngày 26-11-1998 (âm lịch), vợ chồng bà H Niê cho rằng không chuyển nhượng. Còn Phan Văn L, bà Trần Thị H1 cho rằng đã chuyển nhượng và đã thanh toán tiền đầy đủ. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo Giấy viết tay ngày 09-02-2003 được vợ chồng bà H Niê thừa nhận chuyển nhượng đất cho ông Phan Văn L, có ghi *"tên tôi là YK nay tôi có sang lại cho anh Phan Văn L số đất còn lại…từ giờ anh L có quyền sử hữu đám đất"*. Như vậy, ông YK Ayun khẳng định giấy viết tay năm 2003 là giấy chuyển nhượng diện tích đất còn lại của gia đình ông. Hơn nữa, Giấy chuyển nhượng đất ghi ngày 28 năm 1998 (âm lịch) và giấy chuyển nhượng ngày 26-11-1998 (âm lịch) đều ghi phía Đông giáp đường đi buôn Rừng Đ - tức đường nhựa liên xã. Điều đó thể hiện ông YK đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn L sát đường nhựa đi liên xã.

[2.2] Mặt khác, ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 quản lý sử dụng thửa đất từ năm 1998 đến năm 2013 và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP506039 ngày 22-10-2013 cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1. Trong suốt thời gian trên, hộ gia đình bà H Niê không quản lý, sử dụng đất thể hiện việc thừa nhận tài sản trên đất bao gồm cây cà phê và cây trái là của gia đình ông L, bà H1 trồng. Như vậy, bà H Niê đã biết ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 sử dụng đất nhưng không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2.3] Tại kết luận giám định số 46/C09B ngày 17-12-2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, ghi: *"Không đủ cơ sở kết luận chữ ký YK Ayun trên mẫu cần giám định với mẫu so sánh có phải do cùng một người ký (viết) ra hay không"*. Như vậy, chữ của ông YK Ayun không đủ điều kiện giám định. Mặc dù, bà H Niê không thừa nhận chữ ký, chữ viết "YK Ayun" trong giấy sang nhượng ngày 26-11-1998 là của ông YK Ayun, nhưng cũng

không cung cấp được tài liệu, chữ ký của ông YK Ayun (ông YK Ayun đã chết năm 2010) và không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh khác nên không có cơ sở xem xét.

[3] Đối với kháng cáo của bà H Niê đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP506039 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22-10-2013 cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1: Vợ chồng ông L, bà H1 quản lý, sử dụng ổn định một thời gian dài như đã phân tích tại phần [2]. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã C và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà H Niê. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Bà H Niê là người cao tuổi và người dân tộc thiểu số ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà H Niê. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 14-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 688; Điều 697 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 97; Điều 98; Điều 99; Điều 100; Điều 166 Luật đất đai năm 2013. **Xử:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H Niê về việc: Buộc ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1 trả lại cho bà H Niê thửa đất có diện tích 1.800m^2 (đo thực tế 1.611,1m^2) và bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 506039 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22-10-2013 cho ông Phan Văn L, bà Trần Thị H1.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UB

TVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Bà H Niê được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 12-11-2019./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu